

Số: 747/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 25 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững
Vườn quốc gia Chư Mom Ray đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 ban hành quy chế quản lý rừng; số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 ban hành quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh; số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về Phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020; số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng; số 24/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 về Chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ các văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quyết định số 62/2005/QĐ-BNN ngày 12/10/2005 quy định về tiêu chí phân loại rừng đặc dụng; Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng;

Xét đề nghị của: Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray tại Tờ trình số 25/TTr-VQG ngày 19/6/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Chư Mom Ray đến năm 2020 và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 69/TTr-SNN-KH ngày 07/7/2014 (kèm theo công văn số 60/TCLN-BTTN ngày 13/01/2014 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Chư Mom Ray, tỉnh Kon Tum và Biên bản cuộc họp ngày 08/11/2013 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Chư Mom Ray đến năm 2020),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Chư Mom Ray đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên gọi: Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Chư Mom Ray đến năm 2020.

2. Mục tiêu: Bảo vệ toàn vẹn nguồn tài nguyên rừng hiện có trong phạm vi diện tích được giao; xây dựng giải pháp đồng bộ cho các hoạt động bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, khai thác hợp lý những giá trị về tài nguyên thiên nhiên đảm bảo bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường.

3. Nội dung Quy hoạch:

3.1. Diện tích khu rừng đặc dụng: Quy hoạch ổn định ranh giới và diện tích Vườn quốc gia Chư Mom Ray giai đoạn 2014-2020 là 56.003 ha.

3.2. Quy hoạch các phân khu chức năng:

3.2.1. *Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt*: Diện tích 20.184,2 ha chiếm 36% diện tích toàn Vườn quốc gia, thuộc các tiểu khu: 584, 587, 588, 591, 594, 595, 644, 650 và 1 phần các tiểu khu: 200, 201, 579, 583, 585, 586, 589, 590, 592, 593, 601, 604, 607, 646, 647, 648, 649, 654, 661, 662. Trong đó:

- Diện tích thuộc huyện Ngọc Hồi: 1.981,4 ha,
- Diện tích thuộc huyện Sa Thầy: 18.202,8 ha.

3.2.2. *Phân khu phục hồi sinh thái*: Diện tích 29.021,6 ha, chiếm 51,8% diện tích toàn Vườn quốc gia, thuộc các tiểu khu: 187a, 188, 192, 193, 196a, 197, 198a, 199, 573a, 575, 580a, 606, 645, 651, 677, 678, 689, 690 và 1 phần các tiểu khu: 191, 194, 200, 201, 576, 579, 582, 583, 589, 590, 601, 604, 607, 611, 646, 647, 648, 649, 652, 653, 654, 656, 657, 661, 662, Trong đó:

- Diện tích thuộc huyện Ngọc Hồi: 9.392,7 ha,
- Diện tích thuộc huyện Sa Thầy: 19.628,9 ha.

3.2.3. *Phân khu dịch vụ, hành chính*: Diện tích 5.131,6 ha, chiếm 9,2% diện tích toàn Vườn quốc gia, thuộc các tiểu khu: 179a, 605 và 1 phần các tiểu khu: 180, 582, 585, 586, 592, 593.

- Diện tích thuộc huyện Ngọc Hồi: 158,0 ha,
- Diện tích thuộc huyện Sa Thầy: 4.973,6 ha.

3.2.4. Rừng sản xuất: 1.665,6 ha chiếm 3% diện tích toàn Vườn quốc gia thuộc Tiểu khu 663.

3.3. Bảo vệ rừng, phục hồi sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học:

- Bảo vệ rừng gồm các chương trình: Giao khoán quản lý bảo vệ rừng; tuần tra truy quét; giáo dục, tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo tồn khu vực giáp ranh Campuchia và công tác hợp tác bảo tồn liên biên giới.

- Phục hồi hệ sinh thái gồm các chương trình: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có tác động; trồng rừng; trồng rừng nối vùng sinh cảnh; trồng cây cảnh quan, phục hồi bảo tồn sinh cảnh đồng cỏ.

- Bảo tồn nguồn Gen gồm các chương trình: Xây dựng nâng cấp vườn thực vật; xây dựng nâng cấp vườn sưu tập phong lan; xây dựng bộ tiêu bản động thực vật.

- Nghiên cứu khoa học gồm các chương trình: Nghiên cứu quá trình phục hồi, diễn thế rừng lồ ô khuy; điều tra, nghiên cứu tìm giải pháp phục hồi và cải tạo đồng cỏ Ya Book; điều tra, quy hoạch bảo tồn lâm sản ngoài gỗ; quy hoạch bảo tồn bò hoang dã (*Bò tót và Bò rừng*); quy hoạch bảo tồn các loài linh trưởng; điều tra, nghiên cứu giải pháp bảo tồn các loài thú ăn thịt nhỏ; điều tra hiện trạng, phân bố một số loài bò sát quý hiếm tại VQG Chư Mom Ray và xây dựng các phương án bảo tồn.

- Quy hoạch bảo vệ, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên, giá trị văn hóa, lịch sử, môi trường: Bảo vệ cảnh quan khu vực đỉnh Chư Mom Ray, Chư Kram Lo, Ngọc Lan Đông, Núi Nhọn; Bảo tồn và phát triển không gian văn hóa công chiêng, nhà Rông và nhà sàn cho cộng đồng vùng đệm.

3.4. Phát triển cơ sở hạ tầng và trang thiết bị quản lý bảo vệ rừng (QLBVR):

a. Cơ sở hạ tầng quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR) gồm các chương trình: Xây dựng trạm quản lý bảo vệ rừng; chòi canh lửa rừng; hồ đập chứa nước phục vụ cho công tác PCCCR và bảo tồn hệ sinh thái, các loài động vật hoang dã; xây dựng và nâng cấp sửa chữa bảng tin tuyên truyền; xây dựng bổ sung giếng nước cho các trạm QLBVR; kho lưu trữ công cụ phòng cháy chữa cháy rừng.

b. Hệ thống đường giao thông và đường tuần tra: Đường lâm nghiệp phục vụ công tác QLBVR và PCCCR khẩn cấp; đường tuần tra QLBVR.

c. Hệ thống mốc ranh giới và mốc phân khu chức năng: Bổ sung mốc ranh giới VQG và xây dựng mới mốc phân khu chức năng.

d. Hệ thống thông tin, lưu trữ và cơ sở dữ liệu quản lý VQG.

e. Công trình hạ tầng văn phòng: Xây dựng nâng cấp cổng chào; nhà tập luyện đa năng cho lực lượng kiểm lâm; kho lưu giữ tang vật; nhà khách; nâng cấp hệ thống điện, nước trụ sở chính; hoa viên cảnh quan; đường bê tông nội bộ khu vực văn phòng và khuôn viên các phòng ban.

f. Công trình hạ tầng kỹ thuật du lịch: Trung tâm du khách; gian hàng đồ lưu niệm và căng tin; nhà diễn giải môi trường; nhà cộng đồng; hệ thống nhà nghỉ; nhà ở cho nhân viên và nhà công vụ; khu vực cắm trại nghỉ đêm tại rừng; đường ô tô nội bộ khu vực dịch vụ du lịch; hệ thống đường đi bộ khu dịch vụ du lịch; tuyến du lịch sinh thái; đài quan sát; điểm dừng chân, ngắm cảnh, chụp hình; bảng tuyên truyền quảng bá thông tin du lịch; Gara ô tô cho khách du lịch và nhân viên; hệ thống điện thấp sáng và điện đường; hệ thống lọc nước và đài chứa nước cung cấp nước phục vụ du khách và sinh hoạt tại trung tâm; hệ thống xử lý rác thải.

g. Công trình hạ tầng trung tâm Cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật: Nhà làm việc của cán bộ trung tâm cứu hộ; Nhà ở tập thể cho nhân viên trung tâm;

Nâng cấp và xây dựng bổ sung chuồng nuôi nhốt, cứu hộ động vật hoang dã (ĐVHD); khu chăn nuôi bán hoang dã; hệ thống nước phục vụ sinh hoạt, gieo ươm; hệ thống xử lý nước thải; hệ thống hàng rào bảo vệ; hệ thống camera quan sát, theo dõi thú; nâng cấp hệ thống vườn ươm cây bản địa, dẫn giống trồng rừng.

h. Đầu tư trang thiết bị:

- Trang thiết bị cho lực lượng kiểm lâm: Công cụ hỗ trợ tuần tra (*Súng, đạn cao su, công số 8, đèn còi điện, áo giáp, Mũ bảo hiểm, Ba lô đi rừng, võng, túi ngủ, ...*); xe ô tô bán tải cho lực lượng cơ động; Hệ thống điện năng lượng mặt trời cho các trạm QLBR trên tuyến biên giới và các trạm chưa có điện; máy vi tính trang bị cho hạt kiểm lâm và các trạm QLBR.

- Trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học: Dụng cụ điều tra rừng (*GPS, máy đo cao, đường kính, PH, độ ẩm, ống nhòm hồng ngoại, máy ảnh, ...*); Dụng cụ đi rừng (*Ba lô, võng, túi ngủ, lều, ...*); Thiết bị văn phòng (*Máy vi tính, máy in A0, máy photocopy, ...*);

- Trang thiết bị phục vụ du lịch sinh thái và tuyên truyền, giáo dục môi trường: Thiết bị phục vụ du lịch (*Xe máy, Xe đạp địa hình, lều trại, bộ đàm, loa cầm tay, ...*); thiết bị phục vụ văn phòng (*Máy vi tính, máy chiếu, máy in, máy photocopy, loa, âm ly, ...*); xe ô tô bán tải phục vụ khách du lịch và hoạt động tuyên truyền;

- Trang thiết bị phục vụ cứu hộ bảo tồn và phát triển sinh vật: Dụng cụ tiếp cận và dụng cụ thú y chăm sóc thú; dụng cụ văn phòng (*máy tính, máy in, máy photocopy, ...*); xe ô tô tải vận chuyển động vật hoang dã và thức ăn chăn nuôi;

- Trang thiết bị phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng: Xe ô tô chuyên dụng chữa cháy rừng và hệ thống ống nước chữa cháy; xe ô tô tuần tra PCCCR; xe máy tuần tra kiểm tra; trang thiết bị khác (*máy cắt thực bì, máy thổi gió, ống nhòm, GPS, bình phun đeo vai có động cơ, ...*).

3.5. Giám sát diễn biến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học (ĐDSH): Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; điều tra giám sát đa dạng sinh học.

3.6. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Đào tạo nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng cho lực lượng kiểm lâm; cán bộ nghiên cứu chuyên sâu về công tác bảo tồn ĐDSH, công tác cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật; nâng cao chuyên môn quản lý hành chính, tài chính, kế hoạch; nghiệp vụ du lịch; trình độ tiếng anh; quản lý sử dụng Website và quản trị mạng. Tập huấn sử dụng và ứng dụng công nghệ GIS trong công tác quản lý bảo vệ rừng; theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; điều tra, giám sát đa dạng sinh học; tập huấn, diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng.

3.7. Quy hoạch phát triển vùng đệm:

Vùng đệm VQG Chư Mom Ray được quy hoạch gồm 9 xã và 01 thị trấn có ranh giới nằm trong hoặc liền kề với vùng lõi Vườn quốc gia: các Xã Pờ Y, Sa Loong, Đăk Kan, Rờ Koi, Sa Nhơn, Sa Sơn, Mô Rai, Ya Xiêr, Ya Tăng và thị trấn Sa Thầy.

Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray xây dựng dự án đầu tư vùng đệm theo quy định tại các điều 32, 33 và 34 Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Khái toán vốn đầu tư:

Chương trình đầu tư phát triển Vườn quốc gia Chư Mom Ray đến năm 2020 được đầu tư bằng các nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước, liên kết với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, viện trợ của các tổ chức quốc tế, vốn tự có (*kể cả tiền dịch vụ môi trường rừng*). Tổng vốn đầu tư là: 448.118 triệu đồng.

a) Vốn đầu tư phân theo chương trình hoạt động

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Stt	Hạng mục	Số tiền
1	Bảo vệ rừng, Phục hồi sinh thái, bảo tồn ĐDSH	227.208
1.1	Bảo vệ rừng	61.260
1.2	Phục hồi hệ sinh thái	153.493
1.3	Bảo tồn nguồn gen	10.050
1.4	Nghiên cứu khoa học	1.400
2	Phát triển CSHT và trang thiết bị QL BVR	216.100
2.1	CSHT quản lý bảo vệ rừng và PCCCR	33.600
2.2	Hệ thống đường giao thông và đường tuần tra	110.000
2.3	Hệ thống mốc ranh giới và mốc phân khu chức năng	1.150
2.4	Hệ thống thông tin, lưu trữ và cơ sở dữ liệu quản lý VQG	500
2.5	Công trình hạ tầng văn phòng	5.500
2.6	Công trình hạ tầng kỹ thuật du lịch	43.600
2.7	Công trình hạ tầng trung tâm CHBT&PTSV	8.000
2.8	Trang thiết bị	13.750
3	Giám sát diễn biến TNR và ĐDSH	1.980
4	Đào tạo phát triển nguồn nhân lực	2.830
	Tổng	448.118

(Bốn trăm bốn mươi tám tỉ, một trăm mười tám triệu đồng)

b) Vốn đầu tư theo giai đoạn:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Thời gian đầu tư	Số tiền	Chiếm tỉ lệ %
2014	40.702	9,1
2015	58.362	13,0
2016	77.742	17,3
2017	70.392	15,7
2018	80.127	17,9
2019	82.600	18,4
2020	38.225	8,5
Tổng	448.118	100,0

(Bốn trăm bốn mươi tám tỉ, một trăm mười tám triệu đồng)

Vốn đầu tư giai đoạn 2014-2015 là: 99.064 triệu đồng.

Vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 là: 349.055 triệu đồng.

c) Vốn đầu tư theo nguồn hình thành

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Nguồn vốn đầu tư	Số tiền	Chiếm tỉ lệ %
Vốn ngân sách	404.917	90,4
Vốn tự có	12.900	2,9
Vốn liên doanh, liên kết	28.100	6,3
Vốn hợp tác quốc tế	2.140	0,5
Tổng	448.118	100,0

(Bốn trăm bốn mươi tám tỉ, một trăm mười tám triệu đồng)


Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và UBND các huyện có liên quan tổ chức thực hiện Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Chư Mom Ray đến năm 2020; thường xuyên theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện về UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có kế hoạch cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Quy hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray; chủ tịch UBND huyện: Ngọc Hồi, Sa Thầy và thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT và PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cục Lâm nghiệp;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chi cục Lâm nghiệp, Kiểm lâm;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTN 2.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Hữu Hải